TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/08/2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*".

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Tiến; Bà Bùi Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1033/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1024/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh N, sinh năm 1984; Số CCCD: 038084051990

Địa chỉ: Thôn D, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995; Số CMTND: 172129254

Địa chỉ: Thôn C (nay là thôn C), xã T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2026, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã Q, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 29/11/2016. Vợ chồng trong quá trình chung sống bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, nhau đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù cả hai đã cố gắng nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống với nhau được nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh, chị có 1 con chung là Lê Phạm Khánh A, sinh ngày 12/01/2019; Do con là con gái đang còn nhỏ, hiện nay đang ở cùng mẹ và bà

ngoại tại Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa nên anh N đồng ý giao cháu Khánh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị H yêu cầu.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị H: Sau khi thụ lý vụ án Toà án triệu tập chị H đến làm việc nhưng chị H không có mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng và đến trực tiếp tại gia đình để xác minh, tống đạt với người thân của chị H nhưng chị H, người thân của chị từ chối nhận văn bản, không có mặt tại Tòa án, không trình bày ý kiến hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/5/2026 với mẹ đẻ của chị H là bà Phạm Thị S thể hiện: Bà S cho biết chị Phạm Thị H, sinh năm 1995 là con gái của bà và có hộ khẩu thường trú cùng với gia đình bà tại thôn C (nay thôn C), xã T, tỉnh Thanh Hóa. Anh N và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (nay UBND xã Q, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 29/11/2016. Sau khi kết hôn chị H chung sống tại nhà chồng xã Q, tỉnh Thanh Hóa nhưng đến tháng 12/2025 chị H và anh N xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì bà không rõ. Chị H dẫn cả con gái là cháu Lê Phạm Khánh A về ở nhờ chung với bà tại thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa cho đến nay. Tuy nhiên, chị H không cho bà ký nhận bất cứ văn bản giấy tờ gì của Tòa án và không đồng ý cho cán bộ Toà án gặp cháu Khánh A nên bà không cho gặp.

Tại Biên bản làm việc ngày 01/7/2026, tại gia đình chị H, bà Phạm Thị S (mẹ đẻ chị H) cho biết: Chị Phạm Thị H và cháu Lê Phạm Khánh A đang sinh sống cùng gia đình bà, chị H đang đi làm ăn xa (địa chỉ cụ thể bà không rõ), bà đã điện thoại thông báo với chị H biết Tòa án đến gia đình làm việc về việc anh Lê Thanh N đề nghị ly hôn với chị H và tống đạt Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho chị H, nhưng chị H không cho bà ký và nhận bất cứ giấy tờ gì của Tòa án, đồng thời chị có trao đổi lại với bà là chị bận không về giải quyết được, Tòa án muốn làm gì thì làm. Hiện nay chị H đang gửi cháu Khánh A cho bà trông giữ hộ, chị H vẫn đi đi về về thường xuyên, chăm sóc con và gửi tiền về nuôi cháu Khánh A. Cháu Khánh A đang học tại trường Tiểu học T, tuy nhiên hiện nay chị H1 vừa mới đưa cháu A vào miềm N1 để đi chơi được khoảng 1 tuần, sau đó vào năm học chị H lại đưa cháu A về để tiếp tục chương trình học tại quê.

Tại Biên bản xác minh ngày 01/7/2026 tại UBND xã T thể hiện: Anh Lê Thanh N, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã Q, tỉnh Thanh Hóa và chị Phạm Thị H, sinh năm 1995 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá mà đăng ký tại UBND xã Q, tỉnh Thanh Hoá. Về mâu thuẫn vợ chồng anh N và chị H không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên chính quyền địa

phương không nắm được. Hiện nay chị H đang đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng vẫn về nhà; Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Lê Phạm Khánh A, sinh ngày 12/01/2019. Hiện nay, cháu Khánh A đang sống cùng chị H và bà ngoại là bà Phạm Thị S tại thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành theo Giấy triệu tập, không có mặt tại Tòa án để làm việc là tự từ bỏ quyền và vi phạm nghĩa vụ của mình, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoảng 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị xử cho anh N được ly hôn chị H. Về con chung: Giao cháu Lê Phạm Khánh A, sinh ngày 12/01/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, về vấn đề cấp dưỡng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Buộc anh N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn chị Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần và tống đạt; niêm yết các Quyết định, văn bản tố tụng cho bị đơn đảm bảo quy định tại Điều 171; Điều 177 Bộ Luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Nguyên đơn anh Lê Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh Lê Thanh N và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa anh N và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn và dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đảm bảo quy định của pháp luật, nhưng chị và người thân từ chối nhận văn bản và không đến Tòa án làm việc. Việc chị H và người thân từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án làm việc, không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ theo quy định tại điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được giải quyết ly hôn. Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh N được ly hôn chị H.

[5]. Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Lê Phạm Khánh A, sinh ngày 12/01/2019. Anh N đồng ý giao cháu Khánh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Mặc dù chị H không trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, Tòa án cũng không lấy được ý kiến của cháu Khánh A. Tuy nhiên, qua xác minh thực tế, hiện nay cháu Khánh A đang sống cùng chị H tại thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, giao cháu Khánh A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp; về vấn đề cấp dưỡng chị H không trình bày yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, 82 và Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Lê Thanh N được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Lê Phạm Khánh A, sinh ngày 12/01/2019. Giao cháu Khánh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Thanh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001493, ngày 03/3/2026, Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Anh N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Thiết Ống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung